

Số: 16 /KH-THPTTCV

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 -2026

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT; Công văn số 867/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT TP.Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 1590/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 09/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá năm học 2025-2026. Trường THPT Trần Cao Vân xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa học kỳ 1, năm học 2025-2026 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Yêu cầu:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kì theo đúng hướng dẫn trong Chương II của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan; phù hợp với năng lực của học sinh, vì sự tiến bộ của học sinh và căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình được qui định theo từng môn học/nội dung/hoạt động; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập và rèn luyện của học sinh.
- Bố trí thời gian kiểm tra phù hợp, đảm bảo không gây quá tải đối với học sinh.
- Các bộ phận được phân công, các tổ chuyên môn phối hợp đồng bộ để hoàn thành tốt công tác tổ chức kiểm tra.

2. Thời điểm kiểm tra:

* **Tuần 8** : Từ ngày 27/10/2025 đến ngày 30/10/2025

Kiểm tra môn GDTC, GDQP&AN, Nội dung GD&P, Hoạt động TN-HN.

* **Tuần 9** : Từ ngày 31/10 đến ngày 07/11

Kiểm tra các môn: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, GD KT&PL, Tin học, Công nghệ.

- Nội dung kiến thức môn học hết tuần 8 thực học (đến ngày 30/10/2025)



3. Hình thức kiểm tra, đánh giá

3.1. Hình thức, phương pháp, kĩ thuật, công cụ đánh giá của các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo nội dung đã được tập huấn tại Kế hoạch số 563/KH-SGDĐT ngày 13/8/2025 của Sở GDĐT về việc tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lí, giáo viên cấp THCS và THPT để chuẩn bị dạy học năm học 2025 – 2026.

3.2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số (trừ môn Ngữ văn), các đơn vị, trường học tham khảo ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm đề kiểm tra định kì bảo đảm các yêu cầu về chuyên môn, kĩ thuật (tham khảo Phụ lục tại Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT đính kèm).

3.3. Đối với các môn đánh giá bằng nhận xét thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT.

4. Mức độ nhận thức của đề kiểm tra

Đề kiểm tra được xây dựng theo định hướng đánh giá năng lực học sinh có tỉ lệ điểm ở các mức độ nhận thức như sau: Nhận biết (40%), Thông hiểu (30%), Vận dụng (30%).

5. Thời lượng kiểm tra các môn

- Khối lớp 12

- + Môn Toán, Ngữ văn: 90 phút.
- + Môn Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp: 60 phút.
- + Các môn còn lại: 45 phút.

- Khối lớp 10 và 11

- + Ngữ văn: 90 phút.
- + Các môn Toán, Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp: 60 phút.
- + Các môn còn lại: 45 phút.

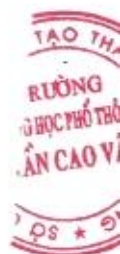
6. Tổ chức kiểm tra:

*** Tổ chuyên môn :**

- Thống nhất hình thức, cấu trúc đề theo hướng dẫn; giới hạn nội dung kiểm tra, phân công xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra/yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù cho từng khối.

- TTCM phê duyệt matrix, đặc tả đề/yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù trước khi biên soạn đề; nộp matrix, bản đặc tả về chuyên môn trước ngày 20/10/2025.

- TTCM phân công ra đề kiểm tra đảm bảo chính xác, đồng đều giữa các mã đề trong cùng một khối lớp; kiểm duyệt, sao in và nộp đề trước ngày kiểm tra ít nhất 01 ngày.



- Sau khi hoàn thành kiểm tra, các Tổ CM nộp đề kiểm tra và hướng dẫn chấm (file mềm) về Ban chuyên môn.

Lưu ý: Nhà trường sắp xếp lịch và bố trí giáo viên coi kiểm tra tất cả các môn (trừ GDTC;GDQP- AN; GDĐP, HĐTN & HN); nhận matrix, bản đặc tả và chuyển đồng thời đến học sinh ôn tập (qua kênh của GVCN).Việc sao in đề các tổ chuyên môn chủ động thực hiện và phải đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật.

7. Giấy làm bài kiểm tra :

- Trường cung cấp giấy kiểm tra cho tất cả các môn kiểm tra theo đề chung bao gồm cả giấy làm bài trắc nghiệm (Sử dụng 1 mẫu giấy trắc nghiệm TNMaker)

8.Lịch kiểm tra: (phụ lục riêng)

Môn GDTC, GDQP- AN, Nội dung Giáo dục địa phương, Hoạt động TNHN: GVBM tổ chức kiểm tra từ ngày 27/10/2025 đến ngày 30/10/2025 - theo TKB chính khóa.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa học kỳ I, năm học 2025-2026. Đề nghị các tổ chức, bộ phận liên quan, CBGVNV và học sinh nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT (Đề báo cáo);
- P.HT & TTCM;
- Lưu:VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tấn





Phụ lục 1

CẤU TRÚC, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC, CỦA ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN

(Kèm theo Công văn số 456/SGDDT-GDTrH ngày 28/02/2025 của
Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam)

I. Yêu cầu chung

1. Cấu trúc, nội dung đề kiểm tra:

- Đề kiểm tra gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết.
- Phần Đọc hiểu: Ngữ liệu đọc hiểu là văn bản/đoạn trích có thể loại, nội dung đảm bảo yêu cầu cần đạt về đọc hiểu được quy định trong Chương trình¹ tương đương với các văn bản/đoạn trích đã học tại thời điểm kiểm tra.

- Phần Viết: Giáo viên lựa chọn kiểu bài viết phù hợp với mục đích kiểm tra và yêu cầu cần đạt của phần Viết được quy định trong Chương trình tương ứng với thời điểm kiểm tra.

* *Lưu ý:* Tránh dùng lại các văn bản/đoạn trích đã học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu trong đề kiểm tra ở phần Đọc hiểu và phần Viết.

2. Hình thức đề kiểm tra: Tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm với tự luận.

3. Mức độ nhận thức:

- Tổng tỉ lệ phần trăm điểm các mức độ nhận thức trong phần Đọc hiểu và phần Viết của đề kiểm tra đảm bảo như sau: nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 30%.

- Tùy vào mức độ khó/dễ của nội dung ngữ liệu và các câu hỏi/yêu cầu trong đề kiểm tra, nhà trường linh hoạt cơ cấu số điểm, số lượng câu hỏi/yêu cầu trong phần Đọc hiểu và phần Viết.

+ Về số điểm: phần Đọc hiểu dao động từ 4.0 điểm đến 6.0 điểm, phần Viết dao động tương ứng từ 6.0 điểm đến 4.0 điểm.

+ Về số lượng câu hỏi/yêu cầu:

Phần Đọc hiểu: Đề kiểm tra cơ cấu số lượng câu hỏi/yêu cầu phù hợp với độ khó/dễ của đề; với số điểm, thời gian làm bài và tỉ lệ các mức độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng.

Phần Viết: Viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu Viết được quy định trong Chương trình tại thời điểm kiểm tra; chú ý cơ cấu tỉ lệ phần trăm điểm các mức nhận biết, thông hiểu, vận dụng của bài viết tương ứng với phần Đọc hiểu sao cho tổng phần trăm điểm các mức độ nhận thức của đề kiểm tra đảm bảo quy định.

II. Yêu cầu cụ thể

1. Đối với các lớp 6, 7, 8, 10, 11: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I.

2. Đối với lớp 9: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I, ưu tiên xây dựng đề kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

3. Đối với lớp 12: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I; ưu tiên xây dựng đề kiểm tra bằng hình thức tự luận, phần Viết có thể gồm 01 yêu cầu viết đoạn văn và 01 yêu cầu viết bài văn.

* *Hồ sơ đề kiểm tra gồm: ma trận, bản đặc tả, đề và hướng dẫn chấm.*

---- Hết ----

¹ Chương trình môn Ngữ văn 2018 tương ứng với lớp học.

Phụ lục 2
MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
(Kèm theo Công văn số 456/SGDDĐT-GDTrH ngày 28/02/2025 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam)

I. Ma trận đề kiểm tra định kì

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³						Biết	Hiểu	Vận dụng		Biết
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng								
1	Chủ đề 1																		
2	Chủ đề 2							(n) ⁴											
...	Chủ đề ...																		
Tổng số câu																			
Tổng số điểm			3,0 ⁵			2,0			2,0			3,0			4,0			3,0	
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40			30	30

² Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu sắp xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có phương án đúng*.
³ Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai”.
⁴ Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.
⁵ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

⁶ Có ở trong một số ở của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).